

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-05-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Danh Phú và ông Phan Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Ngày 23 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 04 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y vào ngày 27 tháng 12 năm 2018.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn cho tới nay.

Nguyên nhân : Tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có trách nhiệm với nhau, thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Dẫn đến vợ chồng sống ly thân cắt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 4/2021 đến nay.

Sự việc xảy ra đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, Anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung.

Nguyễn Hà A, sinh ngày 08 tháng 09 năm 2020.

Hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Con khỏe mạnh.

Nếu ly hôn Anh có nguyện vọng giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và Anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản C: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ phiên hòa giải lần thứ 2 mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được, theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa nhưng bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2018 ngày 27 tháng 12 năm 2018, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có trách nhiệm với nhau, xúc phạm nhau. Vợ chồng sống ly thân, cắt mọi quan hệ từ tháng 04/2021 đến nay.

Ủy ban nhân dân xã T đã xác nhận tình trạng hôn nhân và con C của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã vận động thuyết phục anh C về đoàn tụ gia đình nhưng anh C không chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh C đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con.

Nguyễn Hà A, sinh ngày 08 tháng 09 năm 2020.

Chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng con.

Anh C có nguyện vọng tiếp tục giao chị N nuôi dưỡng con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Con chưa đủ 3 tuổi, chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng con; Để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con nên cần giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, anh C hiện nay có mức thu nhập bình quân từ 6 triệu đến 7 triệu đồng nên anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chia tài sản và nghĩa vụ tài sản C: Anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con C:

Giao con là Nguyễn Hà A, sinh ngày 08 tháng 09 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con:

Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con C cho chị Nguyễn Thị N mỗi tháng 2.000.000,00 (Hai triệu) đồng, kể từ tháng 06 năm 2022 đến khi con thành niên.

Anh C, chị N có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011225 ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Văn C còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng phí sơ thẩm.

5. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Y;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ